

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI: “Tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin về Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Vương quốc Anh trong tháng 12, đánh giá triển vọng và dự báo”

THUỘC NHIỆM VỤ

“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai hiệp định CPTPP năm 2024”

Hà Nội, 2024

Tình hình thương mại của Vương quốc Anh

Về xuất khẩu:

Theo số liệu thống kê của Trademap, trong tháng 8/2024, xuất khẩu hàng hóa của Vương quốc Anh đến thế giới đạt 39,90 tỷ USD, giảm 7,20% so với tháng 8/2023. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của Vương quốc Anh đến thế giới đạt 329,02 tỷ USD, giảm nhẹ 3,95% so với cùng kỳ năm 2023. Trong tám tháng đầu năm 2023, Vương quốc Anh xuất khẩu sang Việt Nam đạt 658,75 triệu USD, tăng 10,78% so với cùng kỳ năm 2023; chiếm 0,20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Anh đến thế giới.

Tám tháng đầu năm 2024, Việt Nam vươn lên là thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn thứ 45 của Vương quốc Anh trên toàn cầu và là thị trường lớn thứ 3 của Anh tại khu vực Đông Nam Á, xếp sau các thị trường Singapore, Malaysia và Thái Lan. Tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa của các thị trường này lần lượt chiếm 1,66%; 0,42% và 0,45% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Anh đến toàn cầu.

Bảng 1: Tốp 10 thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn nhất của Vương quốc Anh tại khu vực châu Á

(ĐVT: Nghìn USD/%)

Thị trường nhập khẩu	Tháng 8/24	So với Tháng 8/23 (%)	8 tháng đầu năm 2024	So với 8 tháng đầu năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)
Trung Quốc	1.304.530	-62,28	23.348.860	15,73	7,10
Hồng Kong	955.425	4,32	7.899.593	-6,03	2,40
Ấn Độ	1.408.704	-23,42	5.972.042	14,30	1,82
Singapore	573.883	-19,11	5.448.421	9,33	1,66
Nhật Bản	746.038	49,64	4.854.311	4,55	1,48

Hàn Quốc	290.712	-36,83	3.400.196	-10,79	1,03
Malaysia	148.065	-7,01	1.491.942	6,64	0,45
Đài Loan	178.144	-13,72	1.431.777	-6,64	0,44
Thái Lan	216.745	42,02	1.385.894	8,08	0,42
Việt Nam	105.437	38,29	658.750	10,78	0,20

Nguồn: Tính toán từ số liệu ITC

Về nhập khẩu:

Theo số liệu thống kê của Trademap, trong tháng 8/2024, nhập khẩu hàng hóa của Vương quốc Anh từ thế giới đạt 66,28 tỷ USD, tăng 7,55% so với tháng 8/2023. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu hàng hóa của Vương quốc Anh từ thế giới đạt 525,38 tỷ USD, giảm nhẹ 0,71% so với cùng kỳ năm 2023. Trong tám tháng đầu năm 2023, thị phần hàng hóa của Việt Nam tại Vương quốc Anh chiếm 1,29%, kim ngạch đạt 6,80 tỷ USD, tăng đáng kể 15,18% so với cùng kỳ năm 2023.

Một số mặt hàng mà Vương quốc Anh nhập khẩu từ thế giới có trị giá tăng mạnh trong 8 tháng đầu năm 2024 so với cùng kì năm trước là Ca cao và các chế phẩm từ ca cao (mã HS 18); Ngũ cốc (mã HS 10); Vật liệu thực vật dùng để tết bện; các sản phẩm thực vật chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã HS 14); Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại (Mã HS 71), tăng lần lượt là 22,25%; 19,45%; 76,95% và 21,39%. Thị phần các mặt hàng này của Việt Nam tại Vương quốc Anh trong 8 tháng đầu năm 2024 là không đáng kể trong tổng các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh.

- Một số mặt hàng Vương quốc Anh nhập khẩu nhiều từ thế giới và Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2024:

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Vương quốc Anh nhập khẩu mặt hàng Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng (mã HS 84) từ thế giới đạt trị giá là 64,08 tỷ USD, giảm nhẹ 1,70% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 12,20% tổng nhập khẩu của Vương quốc Anh. Trị giá nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam trong tám tháng đầu năm 2024 đạt 756,22 triệu USD, tăng mạnh 89,64% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 1,18% thị phần tại Vương quốc Anh.

Tám tháng đầu năm 2024, Vương quốc Anh nhập khẩu mặt hàng Xe cộ trừ phương tiện chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng (mã HS 85) từ thế giới đạt trị giá là 58,77 tỷ USD, giảm nhẹ 0,13% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 11,19% tổng nhập khẩu của Vương quốc Anh. Trị giá nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam trong tám tháng đầu năm 2024 đạt 32,44 triệu USD, giảm 23,03% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm 0,06% thị phần tại Vương quốc Anh.

Bảng: Một số mặt hàng Vương quốc Anh nhập khẩu nhiều từ Việt Nam và thế giới trong 8 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: Nghìn USD/%)

Mã HS	Mặt hàng	Vương quốc Anh nhập khẩu từ Việt Nam		Vương quốc Anh nhập khẩu từ thế giới		Thị phần hàng hóa Việt Nam tại Vương quốc Anh (%)	
		8 tháng đầu năm 2024 (Nghìn USD)	So với 8 tháng đầu năm 2023 (%)	8 tháng đầu năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	8 tháng đầu năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)

Tổng		6.795.659	15,18	525.380.154	-0,71	1,29	1,12
'50	Tơ tầm	337	-19,18	17.570	-9,75	1,92	2,14
'46	Lie và các sản phẩm bằng lie	8.500	15,52	69.301	6,96	12,27	11,36
'55	Xơ sợi staple nhân tạo	13.780	-13,24	285.111	-11,41	4,83	4,93
'65	Mũ và các vật đội đầu khác và các bộ phận của chúng	14.729	10,99	293.327	-6,62	5,02	4,22
'57	Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác	20.255	0,75	714.395	-5,50	2,84	2,66
'69	Đồ gốm, sứ	28.373	39,81	1.404.866	-0,36	2,02	1,44
'74	Đồng và các sản phẩm bằng đồng	47.266	21,68	1.442.963	-0,67	3,28	2,67
'63	Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; bộ vải; quần áo dệt và các loại hàng dệt đã qua sử dụng khác; vải vụn	45.780	2,81	1.655.034	-5,38	2,77	2,55
'40	Cao su và các sản phẩm bằng cao su	58.182	35,05	3.889.232	1,98	1,50	1,13
'16	Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	71.622	-6,43	3.631.943	1,61	1,97	2,14
'91	Đồng hồ thời gian và các bộ phận của chúng	26.189	859,66	1.510.817	1,44	1,73	0,18

'09	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	111.496	5,34	1.439.014	7,94	7,75	7,94
'08	Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa	99.979	12,18	4.855.654	16,96	2,06	2,15
'42	Các sản phẩm bằng da thuộc; yên cương và bộ yên cương; các mặt hàng du lịch, túi xách và các loại đồ chứa tương tự; các sản phẩm làm từ ruột động vật (trừ tơ từ ruột con tằm)	105.354	-10,40	2.103.470	-5,67	5,01	5,27
'03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	125.480	6,56	1.990.351	0,01	6,30	5,92
'94	Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nội tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác ...	214.507	11,20	8.603.363	1,92	2,49	2,29
'95	<i>Đồ chơi, thiết bị trò chơi và dụng cụ thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng</i>	146.004	1,62	3.770.368	-16,85	3,87	3,17
'72	Sắt và thép	161.783	53,45	4.597.749	-1,54	3,52	2,26

'61	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc	330.930	-1,63	6.677.671	-7,77	4,96	4,65
'62	Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	313.202	-6,78	5.641.338	-10,37	5,55	5,34
'64	Giày, dép, ghê và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên	901.307	-1,92	3.464.129	-6,40	26,02	24,83
'85	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên...	2.649.695	17,46	46.500.822	-2,68	5,70	4,72

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG TRONG THÁNG 11/2024

Về xuất khẩu

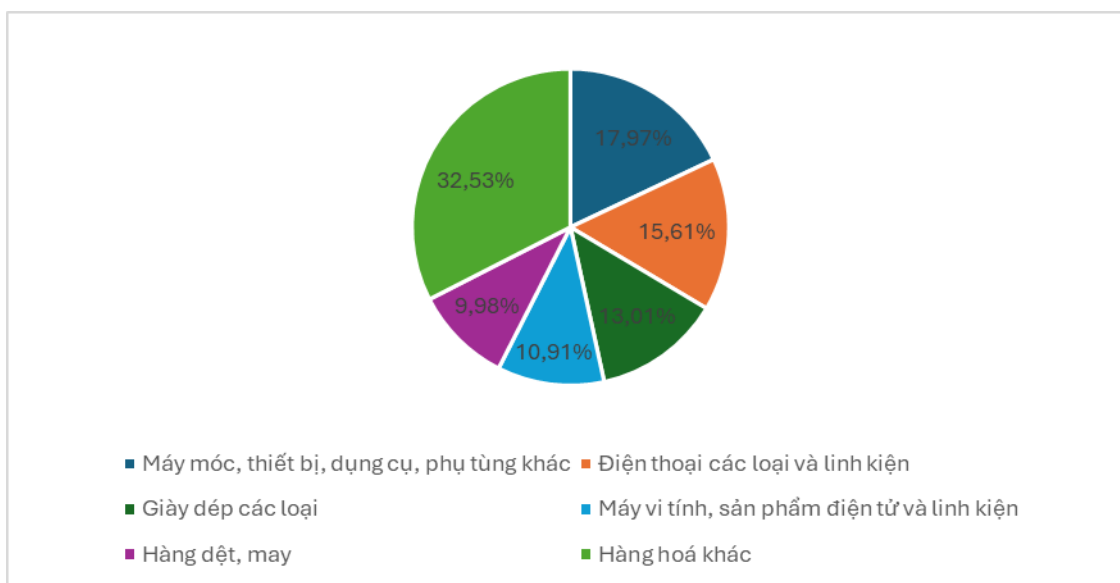
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Vương quốc Anh trong tháng 11/2024 đạt 576,78 triệu USD, giảm 16,07% so với tháng trước đó và giảm nhẹ 2,06% so với tháng 11/2023. Tính chung trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Vương quốc Anh đạt 6,94 tỷ USD, tăng 19,54% so với 11 tháng năm 2023.

Sau hơn 3 năm Hiệp định Thương mại tự do Vương quốc Anh – Việt Nam (UKVFTA) được triển khai thực thi, xuất khẩu của Việt Nam sang Vương quốc Anh tăng trưởng liên tục và ổn định. Tuy nhiên, vẫn có những thời kỳ hai nước phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, đặc biệt là trong thời kỳ Covid-19 hay giai đoạn cuối năm 2023 khi nền chính trị toàn cầu chứng kiến nhiều biến động lớn. Cuối năm 2023, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang hầu hết các thị trường mũi nhọn ở khu vực Châu Âu đều ghi nhận các mức giảm chưa từng có tiền lệ, thậm chí có những thị trường giảm ở mức hai con số. Song kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Anh vẫn duy trì được đà tăng trưởng ổn định, điều này cho thấy sự nỗ lực mạnh mẽ của Chính phủ và doanh nghiệp hai nước trong việc tăng cường quan hệ thương mại song phương và vun đắp thêm nhiều cơ hội hợp tác.

Đáng chú ý, tỷ lệ tận dụng C/O ưu đãi theo mẫu của Hiệp định này hiện nay ở mức trên 30%, điều này đồng nghĩa với việc một bộ phận không nhỏ các doanh nghiệp Việt Nam đã trưởng thành hơn rất nhiều trong việc tiếp cận thị trường, đưa hàng hóa của Việt Nam vào thị trường Anh, đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao về tiêu dùng xanh, phát triển bền vững, nâng cao trách nhiệm của người sản xuất cũng như tham gia vào chuỗi cung ứng, qua đó có thể tận dụng lâu dài lợi ích từ hiệp định này trong thời gian tới.

Biểu đồ 1: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang Vương quốc Anh trong 11 tháng đầu năm 2024

(% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dẫn đầu về các mặt hàng xuất khẩu trong 11 tháng đầu năm 2024 tiếp tục là Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác với kim ngạch đạt 1,25 tỷ USD, tăng đáng kể 34,52% so với cùng kì năm 2023, chiếm tỷ trọng 17,97% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp theo là mặt hàng Điện thoại các loại và linh kiện, đạt 1,08 tỷ USD, giảm 15,69% so với cùng kì năm 2023, chiếm 15,61% tổng kim ngạch xuất khẩu. Mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ ba là Giày dép các loại, đạt 902,46 triệu USD, tăng 25,63% so với 11 tháng năm 2023, chiếm 13,01% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng cao trong 11 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 là mặt hàng Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; Hàng rau quả; Hạt tiêu và Cao su, tăng lần lượt là 118,61%; 50,68%; 45,80% và 71,95%. Nhưng ngoài mặt hàng Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm tỷ trọng 10,91% trong cơ cấu chủng loại chung thì các mặt hàng được liệt kê ở trên đều chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang Vương quốc Anh.

Trong khi đó, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm trong 11 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 là Xơ sợi dệt các loại và Điện thoại các loại và linh kiện với kim ngạch lần lượt đạt 20,56 triệu USD (giảm 15,27%, chiếm tỷ trọng 0,30% trong cơ cấu hàng hóa chung) và 1,08 tỷ USD (giảm 15,69% và chiếm tỷ trọng 15,61%).

Nhìn chung, trong năm 2024, xuất khẩu phần lớn các mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang thị trường Anh đều tăng đáng kể, nền kinh tế nước Anh dần thoát khỏi tình trạng khủng hoảng đã góp phần giúp trao đổi thương mại giữa hai nước có nhiều khởi sắc, các doanh nghiệp Việt Nam tích cực tận dụng ưu đãi thuế quan từ Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để thâm nhập sâu hơn vào thị trường này. Là một trong những ngành hàng xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam vào Vương quốc Anh và cũng là 1 trong những mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế quan khi Hiệp định UKVFTA có hiệu lực, các mặt hàng chính của ngành hàng thủy sản đã như tôm, cá tra ... đã có thêm nhiều cơ hội xuất khẩu vào thị trường này. Hiện nay mặt hàng tôm đang chiếm 70% tổng kim ngạch mà xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Anh và xếp ở vị trí thứ hai là mặt hàng cá tra, với 20%.

Bảng: Xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Vương quốc Anh trong 11 tháng năm 2024

(ĐVT: Nghìn USD/%)

Mặt hàng	Tháng 11/2024	So với tháng 10/2024 (%)	So với tháng 11/2023 (%)	11 tháng năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng KNXX	576.777	-16,07	-2,06	6.936.745	19,54	100,00
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	102.589	-10,23	-4,9	1.246.319	34,52	17,97
Điện thoại các loại và	42.964	-45,23	-52,43	1.082.544	-15,69	15,61

Mặt hàng	Tháng 11/2024	So với tháng 10/2024 (%)	So với tháng 11/2023 (%)	11 tháng năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)
linh kiện						
Giày dép các loại	84.895	-12,83	19,44	902.463	25,63	13,01
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	78.090	-28,53	49,27	756.936	118,61	10,91
Hàng dệt, may	68.611	10,69	13,07	692.230	12,45	9,98
Hàng thủy sản	21.194	-26,64	19,3	288.536	10,61	4,16
Sắt thép các loại	18.987	-18,05	38,67	214.357	34,38	3,09
Gỗ và sản phẩm gỗ	18.910	-4,34	14,45	201.105	15,51	2,90
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	17.408	0,84	26,53	187.204	22,18	2,70
Phương tiện vận tải và phụ tùng	10.466	-59,96	-79,13	172.685	1,8	2,49
Sản phẩm từ chất dẻo	10.890	-2,84	2,27	131.650	14,05	1,90
Cà phê	13.019	77,67	93,44	121.254	33,83	1,75
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	10.822	9,28	11,44	111.225	17,35	1,60
Hạt điều	5.379	-38,29	-46,23	92.699	3,72	1,34
Kim loại thường khác và sản phẩm	6.864	-6,15	129,65	69.817	36,06	1,01
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	3.860	-14,85	11,67	49.007	34,64	0,71
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	2.805	100,86	76,36	35.837	12,01	0,52
Hàng rau quả	2.214	-45,41	0,05	33.824	50,68	0,49

Mặt hàng	Tháng 11/2024	So với tháng 10/2024 (%)	So với tháng 11/2023 (%)	11 tháng năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)
Hạt tiêu	2.961	-34,1	45,76	29.681	45,8	0,43
Sản phẩm gốm, sứ	4.602	24,01	101,2	29.159	27,54	0,42
Sản phẩm từ cao su	2.090	-35,52	13,91	29.096	32,84	0,42
Sản phẩm từ sắt thép	2.042	-25,96	41,83	27.879	32,55	0,40
Xơ, sợi dệt các loại	1.780	-9,98	12,31	20.563	-15,27	0,30
Dây điện và dây cáp điện	2.132	4,32	61,89	18.319	22,17	0,26
Giấy và các sản phẩm từ giấy	2.117	59,63	61,74	17.275	22,37	0,25
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1.310	57,55	12,38	9.563	18,19	0,14
Cao su	309	0,79	-44,31	4.228	71,95	0,06
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	350	-52,89	32,57	3.700	35,23	0,05
Hàng hóa khác	37.117	6,85	10,43	357.589	15,49	5,15

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu:

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 11/2024, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Vương quốc Anh đạt 74,84 triệu USD, giảm 14,34% so với tháng liền trước nhưng tăng 9,52% so với tháng 11/2023. Trong 11 tháng năm 2024, trị giá nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Vương quốc Anh đạt 773,06 triệu USD, tăng 6,33% so với cùng kỳ năm 2023.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác tiếp tục là mặt hàng có trị giá nhập khẩu lớn nhất trong 11 tháng năm 2024, với kim ngạch đạt 181,96 triệu USD, giảm 4,56% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 23,54% tổng kim ngạch nhập khẩu các loại.

Mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu xếp ở vị trí thứ hai trong 11 tháng đầu năm 2024 là Dược phẩm, đạt 82,58 triệu USD, tăng đáng kể 11,89% so với 11 tháng năm 2023, chiếm 10,68% tổng kim ngạch nhập khẩu. Mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn thứ ba là Sản phẩm hóa chất, có kim ngạch đạt 49,72 triệu USD, tăng 14,59% so với cùng kỳ năm 2023 và chiếm tỷ trọng 6,43% trong tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng năm 2024.

Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng trưởng cao trong 11 tháng năm 2024 so với 7 tháng đầu năm 2023 là mặt hàng Phương tiện vận tải khác và phụ tùng; Sản phẩm từ chất dẻo; Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Điện thoại các loại và linh kiện; Cao su, tăng lần lượt là 317,66%; 71,90%; 63,77%; 116,22% và 181,71%. Trong đó, chỉ có ba mặt hàng Phương tiện vận tải khác và phụ tùng; Sản phẩm từ chất dẻo; Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh chiếm tỷ trọng lần lượt là 6,33%; 4,22% và 2,21%, còn các mặt hàng còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu chủng loại chung.

Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm mạnh trong 11 tháng năm 2024 so với 11 tháng năm 2023 là Ô tô nguyên chiếc các loại; Nguyên phụ liệu dược phẩm; Sắt thép các loại; Phế liệu sắt thép, giảm lần lượt 28,13%; 50,46%; 35,09% và 99,60%. Ngoài mặt hàng Ô tô nguyên chiếc các loại chiếm tỷ trọng 2,52%, các mặt hàng còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu chủng loại chung.

Bảng: Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Vương quốc Anh trong 7 tháng đầu năm 2024

(ĐVT: Nghìn USD/%)

Mặt hàng	Tháng 11/2024	So với tháng 10/2024 (%)	So với tháng 11/2023 (%)	11 tháng năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)
Tổng KNNK	74.838	-14,34	9,52	773.059	6,33	100,00
Hàng hóa khác	15.872	-36,09	-3,61	197.318	0,54	25,52
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	16.249	-5,41	-15,57	181.962	-4,56	23,54
Dược phẩm	8.088	-46,1	-0,69	82.580	11,89	10,68
Sản phẩm hóa chất	4.382	-35,21	6,04	49.718	14,59	6,43
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng	11.440	195,28	1519,2	48.922	317,66	6,33
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	837	-65,45	-68,88	35.961	2,31	4,65
Sản phẩm từ chất dẻo	5.378	17,15	235,15	32.656	71,9	4,22
Hàng thủy sản	2.382	20,99	-34,14	32.066	7,74	4,15
Ô tô nguyên chiếc các loại	1.420	-15,41	-24,83	19.467	-28,13	2,52
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	731	-25,54	-59,57	17.118	63,77	2,21
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.779	174,07	126,74	16.130	-8,51	2,09

Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	1.355	-38,37	38,65	12.996	10,61	1,68
Sản phẩm từ sắt thép	1.104	-15,14	-51,97	12.390	-27,06	1,60
Chất dẻo nguyên liệu	545	-36,7	12,28	7.742	2,42	1,00
Vải các loại	497	11,01	-9,07	7.320	-16,93	0,95
Hóa chất	192	-29,5	-51,72	3.668	-2,31	0,47
Sản phẩm từ cao su	215	-40,36	-26,58	3.072	1,73	0,40
Điện thoại các loại và linh kiện	288	-67,68	87,44	2.695	116,22	0,35
Kim loại thường khác	217	104,83	181,98	2.288	-10,57	0,30
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	307	20,36	-62,14	2.020	-25,12	0,26
Nguyên phụ liệu dược phẩm	108	-67,61	-83,96	1.827	-50,46	0,24
Sắt thép các loại	335		409,95	1.430	-35,09	0,18
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	115		411,45	883	-4,51	0,11
Cao su	0	-100		802	181,71	0,10
Phế liệu sắt thép	0			27	-99,6	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan